

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LONG PHÚ
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2024/LĐ-ST
Ngày 19/9/2024
V/v Tranh chấp bảo hiểm xã hội

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG PHÚ, TỈNH SÓC TRĂNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Hoàng Bảo

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Trần Thị Thanh Nhanh;

Ông Trà Minh Châu.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Thủy -Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Bà Lê Hồng Như - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án lao động thụ lý số 10/2024/TLST-LĐ ngày 16/7/2024 về việc “Tranh chấp bảo hiểm xã hội” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 138/2024/QĐXXST-LĐ ngày 12 tháng 8 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà **Phạm Hải Y**, sinh năm 2000; địa chỉ: **Số A, ấp A, thị trấn Đ, huyện L, tỉnh Sóc Trăng** (có mặt)

- *Bị đơn:* **Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành Viên N** (viết tắt là **Công ty N**); địa chỉ trụ sở chính: **ấp N, thị trấn Đ, huyện L, tỉnh Sóc Trăng**.

Người đại diện theo pháp luật: Ông **Đỗ Ngọc Q** – Ông **Đỗ Ngọc Q** – Giám đốc **Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một Thành Viên N** (vắng mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* **Bảo hiểm Xã hội huyện N**, tỉnh Sóc Trăng; địa chỉ: **Đường Đ, ấp C, thị trấn L, huyện L, tỉnh Sóc Trăng**.

Người đại diện hợp pháp: Ông **Vương Quốc B** – Phó Giám đốc **Bảo hiểm Xã hội huyện N**, tỉnh Sóc Trăng là người đại diện theo ủy quyền của **Bảo hiểm Xã hội huyện N** (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, ý kiến trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn là bà **Phạm Hải Y** trình bày:

Bà **Phạm Hải Y** là người lao động của **Công ty N** từ tháng 01/2021, việc ký kết hợp đồng lao động giữa bà **Y** với **Công ty N** là hoàn toàn tự nguyện, hàng tháng **Công ty N** đều trích tiền lương của bà **Y** để nộp bảo hiểm xã hội tại **Bảo hiểm Xã hội huyện N**. Ngày 07/02/2024, bà **Y** làm đơn xin nghỉ việc tại **Công ty N**, đến ngày 08/02/2024 bà **Y** nhận được Quyết định chấp thuận đơn xin nghỉ việc số 01/QĐN.T2.24 của **Công ty N** đối với bà **Y**. Sau khi nghỉ việc thì bà **Y** đến **Bảo hiểm Xã hội huyện N** để chốt tiền bảo hiểm thì được đơn vị bảo hiểm cung cấp thời gian đóng bảo hiểm xã hội của bà **Y** còn nợ từ tháng 01/2021 đến tháng 01/2024 nên không thể giải quyết chế độ bảo hiểm cho bà **Y**. Tuy nhiên, quá trình giải quyết vụ án bà biết được theo thông báo của **Bảo hiểm xã hội huyện N** xác định thời gian **Công ty N** còn nợ tiền bảo hiểm xã hội của bà **Y** là 19 tháng (tính từ tháng 07/2022 đến tháng 01/2024).

Tại phiên tòa bà **Y** thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện, cụ thể: Buộc **Công ty N** bắt buộc theo đúng quy định tương ứng với thời gian chậm đóng là 19 tháng từ tháng 07/2022 đến hết tháng 01/2024.

Đối với bị đơn **Công ty N**: Sau khi Tòa án thụ lý vụ án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án cho **Công ty N**, nhưng **Công ty N** không có ý kiến phản đối gì. Tòa án đã triệu tập hợp lệ **Công ty N** hai lần để tham gia tố tụng tại phiên họp kiểm tra việc tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng **Công ty N** vẫn vắng mặt không lý do. Tòa án đã triệu tập hợp lệ **Công ty N** để tham gia tố tụng tại phiên tòa sơ thẩm đến lần thứ hai nhưng **Công ty N** vẫn vắng mặt không có lý do và cũng không cung cấp cho Tòa án văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan **Bảo hiểm Xã hội huyện N** là ông **Vương Quốc B** trình bày:

Bà **Phạm Hải Y** trình bày làm việc trực tiếp tại **Công ty N** từ tháng 01/2021 đến tháng 6/2024. Tuy nhiên, trên thực tế khoảng thời gian từ tháng 01/2021 đến tháng 6/2022 thì bà **Y** là người lao động của **Công ty trách nhiệm hữu hạn K**; địa chỉ: **Số E, Quốc lộ A, phường B, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng**. **Công ty N** có đăng ký tham gia bảo hiểm xã hội cho bà **Phạm Hải Y** tại đơn vị **Bảo hiểm Xã hội huyện N** với mã số 9422064980 từ tháng 7/2022 cho đến tháng 01/2024. Tính đến thời điểm hiện tại, thì **Công ty N** chậm đóng tiền bảo hiểm xã hội bắt buộc cho bà **Y** là 19 tháng, từ tháng 07/2022 đến tháng 01/2024 với tổng số tiền là 21.280.000 đồng (Hai mươi một triệu hai trăm tám mươi nghìn đồng), bao gồm các loại quỹ bảo hiểm: Bảo hiểm xã hội là 16.625.000 đồng (Mười sáu triệu sáu trăm hai mươi lăm nghìn đồng), bảo hiểm y tế là 2.992.500 đồng (Hai triệu chín trăm chín mươi hai nghìn năm trăm đồng), bảo hiểm thất nghiệp là 1.330.000 đồng (Một triệu ba trăm ba mươi nghìn đồng), bảo hiểm tai nạn lao động – bệnh nghề nghiệp là 332.500 đồng (Ba trăm ba mươi hai nghìn năm trăm đồng) và tiền lãi chậm đóng bảo hiểm nên **Bảo hiểm Xã hội huyện N** chưa

thực hiện việc xác nhận thời gian đóng bảo hiểm xã hội, giải quyết các chế độ bảo hiểm cho bà Y. Nay đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Y. Trường hợp bà Y muốn hoàn tất được các tờ rời thể hiện toàn bộ quá trình đóng bảo hiểm xã hội thì cần phải yêu cầu thêm Công ty trách nhiệm hữu hạn K thực hiện việc đóng bảo hiểm xã hội cho bà Y với mốc thời gian bà Y là người lao động của Công ty trách nhiệm hữu hạn K nhưng còn nợ tiền bảo hiểm xã hội.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

+ Về thủ tục tố tụng: Việc xác định quan hệ pháp luật tranh chấp và xác định tư cách của người tham gia tố tụng trong vụ án là đúng quy định của pháp luật; Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật về tố tụng dân sự, riêng bị đơn chưa chấp hành đúng các quy định của pháp luật về tố tụng dân sự.

+ Về nội dung vụ án: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, qua thẩm tra các chứng cứ và kết quả tranh luận tại phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Bị đơn Công ty N từ khi Tòa án thụ lý vụ án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án cho Công ty N nhưng Công ty N không có ý kiến phản đối gì. Tòa án đã triệu tập hợp lệ Công ty N hai lần để tham gia tố tụng tại phiên họp kiểm tra việc tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng Công ty N vẫn vắng mặt không lý do. Tại phiên tòa, bị đơn Công ty N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không lý do. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt đối với Công ty N.

[2]. Bà Phạm Hải Y khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết về tranh chấp bảo hiểm xã hội đối với bị đơn là Công ty N có trụ sở chính tại ấp N, thị trấn Đ, huyện L, tỉnh Sóc Trăng nên quan hệ pháp luật tranh chấp là tranh chấp bảo hiểm xã hội và Tòa án nhân dân huyện Long Phú đã thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 32, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; khoản 2 Điều 219 của Bộ luật Lao động.

[3]. Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn là bà Phạm Hải Y thay đổi yêu cầu khởi kiện chỉ yêu cầu bị đơn là Công ty N phải có trách nhiệm đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc cho bà Y theo quy định tính từ tháng 7/2021 đến tháng 01/2024 là 19 tháng. Xét thấy, việc thay đổi yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là hoàn toàn tự nguyện và không vượt quá phạm vi

khởi kiện ban đầu nên căn cứ vào khoản 1 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4]. Đối với bị đơn là Công ty N: Sau khi Tòa án thụ lý vụ án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án cho bị đơn, nhưng bị đơn không có ý kiến phản đối gì. Tòa án đã triệu tập hợp lệ bị đơn tham gia tố tụng tại phiên họp kiểm tra việc tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng bị đơn vẫn vắng mặt không lý do, không có ý kiến gì về kết quả phiên họp công khai chứng cứ nên điều này cho thấy đã tự từ chối quyền được trình bày để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Do đó, căn cứ vào Khoản 2, khoản 4 Điều 91; Điều 93; Điều 95 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, Hội đồng xét xử công nhận những tình tiết, sự kiện và tài liệu do nguyên đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã cung cấp và Tòa án thu thập có giá trị dùng làm chứng cứ chứng minh cho yêu cầu khởi kiện và tiến hành giải quyết vụ án theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án.

[5]. Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Bà Phạm Hải Y với Công ty N có ký kết hợp đồng, theo đó bà Y là Nhân viên Ban điều hành 3 của Công ty N, việc ký kết hợp đồng dựa trên cơ sở tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật. Do đó, quan hệ lao động giữa bà Y và Công ty N là hợp pháp theo quy định tại Điều 7 của Bộ luật Lao động, nên bà Y và Công ty N phải có nghĩa vụ đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc theo quy định tại khoản 2 Điều 3 của Luật Bảo hiểm Xã hội nhằm đảm bảo cho người lao động là bà Y được hưởng các chế độ bảo hiểm xã hội khi làm việc cũng như khi nghỉ việc tại công ty theo quy định tại Điều 4 của Luật Bảo hiểm Xã hội, gồm các loại quỹ bảo hiểm: Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm tai nạn lao động – bệnh nghề nghiệp, bảo hiểm thất nghiệp và bảo hiểm y tế theo quy định tại Điều 168 của Bộ luật Lao Động; Điều 19, Điều 21, Điều 85 và Điều 86 của Luật Bảo hiểm xã hội; Điều 12, Điều 13, Điều 15 của Luật Bảo hiểm Y tế; khoản 4 Điều 3, Điều 43, Điều 44, Điều 45, Điều 57, Điều 58 của Luật Việc làm; Điều 41, Điều 43, Điều 44 của Luật An toàn, Vệ sinh Lao động. Mặt khác, tại Công văn số 226a/BHXX-BHLP ngày 22/7/2024 cùng tài liệu đính kèm của Bảo hiểm Xã hội huyện N, tỉnh Sóc Trăng thể hiện: Bà Phạm Hải Y có đăng ký sổ bảo hiểm xã hội với mã số số 9422064980, quá trình đóng bảo hiểm thì hàng tháng Công ty N đều nộp tiền bảo hiểm xã hội cho bà Y vào đơn vị Bảo hiểm Xã hội huyện N. Tuy nhiên, Công ty N đã chậm đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc cho bà Phạm Hải Y từ tháng 7/2022 đến tháng 01/2024 (19 tháng) với tổng số tiền là 21.280.000 đồng (Hai mươi một triệu hai trăm tám mươi nghìn đồng), bao gồm các loại quỹ bảo hiểm: Bảo hiểm xã hội là 16.625.000 đồng (Mười sáu triệu sáu trăm hai mươi lăm nghìn đồng), bảo hiểm y tế là 2.992.500 đồng (Hai triệu chín trăm chín mươi hai nghìn năm trăm đồng), bảo hiểm thất nghiệp là 1.330.000 đồng (Một triệu ba trăm ba mươi nghìn đồng), bảo hiểm tai nạn lao động – bệnh nghề nghiệp là 332.500 đồng (Ba trăm ba mươi hai nghìn năm trăm đồng) và tiền lãi chậm đóng bảo hiểm. Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của Bảo hiểm Xã hội huyện N cũng khẳng định đến tại thời điểm xét xử sơ thẩm thì

phía Công ty N vẫn chưa hoàn thành việc đóng bảo hiểm còn nợ nêu trên cho bà Phạm Hải Y với mốc thời gian trên.

[6]. Theo Quyết định số 01/QĐN.T2.24 ngày 08/02/2024 của Công ty N về việc chấp thuận cho bà Phạm Hải Y nghỉ việc từ ngày 08/02/2024 nên Công ty N và bà Y phải có nghĩa vụ nộp bảo hiểm xã hội bắt buộc đến hết tháng 01/2024. Thực tế, Công ty N hàng tháng đều đã trích tiền lương của bà Phạm Hải Y để nộp bảo hiểm xã hội bắt buộc nhưng lại không nộp bảo hiểm lại cơ quan bảo hiểm xã hội mà cụ thể là Bảo hiểm Xã hội huyện N cho bà Y từ tháng 07/2022 đến tháng 01/2024 (19 tháng) là vi phạm pháp luật về bảo hiểm, làm ảnh hưởng đến quyền lợi chính đáng của bà Phạm Hải Y.

Căn cứ theo quy định tại khoản 5 Điều 21 của Luật Bảo hiểm Xã hội quy định về trách nhiệm của người sử dụng lao động: *“Phối hợp với cơ quan bảo hiểm xã hội trả sổ bảo hiểm xã hội cho người lao động, xác nhận thời gian đóng bảo hiểm xã hội khi người lao động chấm dứt hợp đồng lao động, hợp đồng làm việc hoặc thôi việc theo quy định của pháp luật.”*

Căn cứ vào khoản 3 Điều 48 của Bộ luật Lao động thì người sử dụng lao động có trách nhiệm: *“Hoàn thành thủ tục xác nhận thời gian đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp và trả lại cùng với bản chính giấy tờ khác nếu người sử dụng lao động đã giữ của người lao động”.*

Căn cứ vào khoản 3 Điều 18 của Nghị định 115/2015/NĐ-CP ngày 11/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo hiểm Xã hội quy định: *“Người sử dụng lao động có trách nhiệm đóng đủ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bao gồm cả tiền lãi chậm đóng theo quy định đối với người lao động đủ điều kiện hưởng bảo hiểm xã hội hoặc chấm dứt hợp đồng lao động, hợp đồng làm việc để kịp thời giải quyết chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp cho người lao động.”*

Với quy định và các căn cứ nêu trên, thì ngoài việc Công ty N phải có nghĩa vụ hoàn thành việc nộp bảo hiểm xã hội vào đơn vị Bảo hiểm Xã hội tỉnh S cho bà Phạm Hải Y, Công ty còn phải chịu tiền lãi chậm đóng tiền bảo hiểm cho cơ quan bảo hiểm xã hội theo quy định. Việc buộc người sử dụng lao động nộp đầy đủ các khoản chi phí bảo hiểm xã hội cho người lao động vào quỹ bảo hiểm xã hội không những giúp cho đơn vị bảo hiểm xã hội kịp thời xác nhận thời gian đóng bảo hiểm xã hội, giải quyết nhanh chóng các chế độ bảo hiểm mà người lao động được hưởng mà còn cụ thể hóa được chính sách pháp luật của Nhà nước về lao động với nguyên tắc bảo vệ toàn diện quyền và lợi ích hợp pháp chính đáng của người lao động được quy định tại Điều 4 của Bộ luật Lao động.

Từ những nhận định và cơ sở nêu trên, xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là hoàn toàn có căn cứ và đúng với các quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7]. Trong vụ án này, do bà **Y** xác định chỉ yêu cầu **Công ty N** có nghĩa vụ nộp bảo hiểm xã hội bắt buộc còn nợ cho bà **Y** tại cơ quan bảo hiểm xã hội mà cụ thể là **Bảo hiểm Xã hội huyện N** trong khoảng thời gian chậm đóng là 19 tháng tính từ tháng 7/2022 cho đến tháng 01/2024 nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét đối với khoảng thời gian chậm đóng bảo hiểm xã hội cho cơ quan bảo hiểm xã hội tại **Công ty trách nhiệm hữu hạn K**; địa chỉ: **Số E, Quốc lộ A, phường B, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng** (Theo xác định của đại diện **cơ quan bảo hiểm xã hội huyện N**, tỉnh Sóc Trăng). Trường hợp bà **Y** có yêu cầu thì có quyền khởi kiện bằng một vụ án lao động khác.

[8]. Về án phí: Buộc **Công ty N** phải chịu án phí lao động sơ thẩm có giá ngạch theo quy định pháp luật.

[9]. Xét đề nghị của Kiểm sát viên về tổ tụng và quan điểm giải quyết vụ án là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 32, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39; Khoản 1 Điều 147; khoản 1 Điều 244; Điều 271; Điều 273; Điều 278; Điều 280 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Căn cứ vào khoản 2 Điều 6, Điều 48; Điều 168 của Bộ luật Lao Động.

Căn cứ vào Điều 19, khoản 5 Điều 21, Điều 85, Điều 86, khoản 3 Điều 122 của Luật Bảo hiểm Xã hội.

Căn cứ vào Điều 15, Điều 49 của Luật Bảo hiểm Y tế.

Căn cứ vào khoản 4 Điều 3, Điều 44, Điều 45 của Luật Việc làm.

Căn cứ vào các Điều 41, Điều 43 của Luật An toàn, Vệ sinh Lao động.

Căn cứ vào Khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là bà **Phạm Hải Y** đối với bị đơn là **Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một Thành Viên N** về tranh chấp bảo hiểm xã hội.

2. Buộc **Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một Thành Viên N** phải đóng tiền bảo hiểm xã hội bắt buộc vào quỹ bảo hiểm xã hội của đơn vị thu là **Bảo hiểm**

Xã hội huyện N, tỉnh Sóc Trăng cho bà Phạm Hải Y có sổ bảo hiểm xã hội với mã số 9422064980 từ tháng 7/2022 đến tháng 01/2024 (19 tháng), với số tiền là 21.280.000 đồng (Hai mươi một triệu hai trăm tám mươi nghìn đồng), bao gồm các loại quỹ bảo hiểm: Bảo hiểm xã hội là 16.625.000 đồng (Mười sáu triệu sáu trăm hai mươi lăm nghìn đồng), bảo hiểm y tế là 2.992.500 đồng (Hai triệu chín trăm chín mươi hai nghìn năm trăm đồng), bảo hiểm thất nghiệp là 1.330.000 đồng (Một triệu ba trăm ba mươi nghìn đồng), bảo hiểm tai nạn lao động – bệnh nghề nghiệp là 332.500 đồng (Ba trăm ba mươi hai nghìn năm trăm đồng).

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một Thành Viên N còn phải chịu lãi suất do chậm đóng bảo hiểm xã hội cho cơ quan bảo hiểm xã hội với mức lãi suất theo quy định pháp luật về bảo hiểm xã hội tương ứng với thời gian chậm đóng. Số tiền lãi cụ thể phải đóng của Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một Thành Viên Ngọc Thái do Bảo hiểm Xã hội huyện N, tỉnh Sóc Trăng thu tại thời điểm Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một Thành Viên N nộp tiền bảo hiểm xã hội để làm thủ tục xác nhận thời gian đóng bảo hiểm xã hội cho bà Phạm Hải Y.

3. Về án phí: Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một Thành Viên N phải chịu án 638.400 đồng (Sau trăm ba mươi tám nghìn bốn trăm đồng) án phí lao động sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Riêng bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được cấp, tổng đạt hợp lệ theo quy định pháp luật. Để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử lại theo trình tự phúc thẩm.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án Dân sự năm 2008 (được sửa đổi bổ sung năm 2014), thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án Dân sự năm 2008 (được sửa đổi bổ sung năm 2014); Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án Dân sự năm 2008 (được sửa đổi bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND huyện Long Phú;
- Chi cục THADS huyện Long Phú;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Hoàng Bảo

